

- Bảo vệ tế bào gan trong các trường hợp sử dụng hoá chất điều trị ung thư, thuốc kháng sinh, các thuốc khác...
- Bệnh nhân rối loạn tiêu hoá, kém ăn

**Chống chỉ định:**

Không dùng cho bệnh nhân bị mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc

**Tác dụng ngoại ý/phản ứng có hại:**

Có thể xảy ra hiện tượng nhuận tràng nhẹ nhưng rất hiếm

**Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.**

**Thận trọng và cảnh báo:**

- Nếu xảy ra các phản ứng dị ứng, phải ngừng sử dụng thuốc ngay lập tức và tham khảo ý kiến của bác sĩ hoặc dược sĩ.
- Nếu các triệu chứng không được cải thiện dù đã dùng thuốc được một tháng, phải ngưng dùng và tham khảo ý kiến của bác sĩ hoặc dược sĩ.

**Tương tác thuốc:**

Chưa có báo cáo về tương tác thuốc với các thuốc khác.

**Khi mang thai, thời kỳ cho con bú:**

Do độ an toàn của thuốc khi sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú chưa được xác định nên chỉ sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú khi đã cân nhắc lợi ích của việc điều trị so với nguy cơ có thể xảy ra đối với thai nhi và trẻ bú mẹ.

**Liều lượng và cách dùng:**

- Người lớn: Ngày hai lần, mỗi lần 1-2 viên.
  - Trẻ em (Từ 2 tuổi trở lên): Ngày một lần, mỗi lần 1 viên.
- (Mỗi đợt điều trị nên kéo dài từ 3 đến 4 tuần)

**Bảo quản:**

Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh sáng. Nhiệt độ dưới 30°C.

**Trình bày:**

Hộp 5 vỉ x 10 viên nang cứng.

**Hạn dùng:**

2 năm kể từ ngày sản xuất

**Không dùng thuốc quá hạn sử dụng.**

**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.**

**Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến của thầy thuốc**

**Để xa tầm với của trẻ em**

**Nhà Sản xuất**

**MICRO LABS LIMITED**

92, SIPCOT,

HOSUR-635 126, ẤN ĐỘ.

EXG-ML05I-0312

# HAGALA

## Thành phần:

Mỗi viên nang cứng chứa:

*Hoạt chất:*

Silymarin .....	70 mg
Thiamine Nitrate BP .....	4 mg
Riboflavin BP .....	4 mg
Pyridoxine Hydrochloride BP .....	4 mg
Nicotinamide BP .....	12 mg
Calcium Pantothenate .....	8 mg

## Tá dược:

Tinh bột ngô, aerosil, bột talc tinh khiết, magnesi stearat.

## Tính chất dược động học

Khoảng 50% liều uống của silymarin được hấp thu, đạt nồng độ cao ở gan (90%). Nó không ảnh hưởng đến nồng độ của cytochrom P-450. Nó được chuyển hoá chủ yếu bởi gan, đào thải qua mật. Sự thải trừ qua thận không đáng kể (3-7%) và nồng độ của nó trong máu ngoại biên là không đáng kể.

Thiamine nitrate được hấp thu nhanh chóng từ đường tiêu hoá và phân bố rộng rãi trong các mô cơ thể, nó cũng được tiết vào sữa của người mẹ đang cho con bú. Nó được bài tiết qua nước tiểu khi dự trữ ở các mô đã bão hoà.

Calcium pantothenate được hấp thu nhanh chóng từ đường tiêu hoá. Có 70% được thải trừ qua nước tiểu dưới dạng không biến đổi, 30% được thải trừ qua phân.

Pyridoxine nhanh chóng được hấp thu qua đường tiêu hoá, phân bố chủ yếu ở gan, một lượng ít hơn được phân bố ở cơ và não. Nó có thể qua được màng nhau thai và được tiết vào trong sữa của người mẹ đang cho con bú. Vitamin B<sub>6</sub> được bài tiết qua nước tiểu và có thể được loại bỏ qua quá trình lọc máu.

## Tính chất dược lực học

Silymarin có tác dụng bảo vệ màng tế bào do tương tác trực tiếp với các thành phần của màng tế bào và tác dụng chống oxi hoá. Silymarin ức chế sự hấp thu một số chất độc như phalloidin hoặc -amanitin bằng cách ngăn ngừa sự gắn kết phalloidin vào bề mặt màng tế bào và ức chế hệ thống vận chuyển các chất độc qua màng tế bào.

Thiamine nitrate cần thiết cho quá trình chuyển hoá Carbohydrate. Lượng Thiamine nitrate cần thiết tỷ lệ thuận với lượng Carbohydrat ăn vào. Nhu cầu Thiamine nitrate tăng cao hơn ở các trường hợp tăng chuyển hoá.

Calcium pantothenate có vai trò quan trọng trong việc tạo thành các chất điều hoà thần kinh và hormon. Calcium pantothenate cần thiết cho quá trình chuyển hoá carbohydrat, chất béo và protein. Calcium pantothenate giúp cơ thể sử dụng các Amin acid và tổng hợp protein. Nó rất cần thiết giúp cơ thể sản xuất ra rất nhiều loại hormon và các chất cho quá trình sống. Calcium pantothenate là một chất chống oxi hoá và làm chậm quá trình lão hoá, trung hoà các độc tố và chất gây hại trong mô cơ thể.

Pyridoxine cần thiết cho quá trình chuyển hoá acid amin, carbohydrat và chất béo

## Chỉ định:

- Hỗ trợ điều trị viêm gan cấp và mãn tính, gan nhiễm mỡ, xơ gan, nhiễm độc gan do uống nhiều rượu bia, viêm gan do virus
- Hỗ trợ điều trị làm giảm men gan trong viêm gan siêu vi B và C.